ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /ĐA-UBND	*Cần Thơ, ngày 21 tháng 8 năm 2024*

ĐỀ ÁN
Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương thành phố Cần Thơ năm 2024

Thực hiện Đề án huy động tài chính và tăng thu ngân sách thành phố Cần Thơ giai đoạn 2023 – 2025, trong đó với mục tiêu huy động thêm các nguồn lực như phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ để thực hiện đầu tư xây dựng công trình trọng điểm của thành phố và đầu tư dự án hạ tầng giao thông kết nối liên vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

Căn cứ nhu cầu đầu tư phát triển của thành phố cần thực hiện một số công trình, dự án bức xúc, trọng điểm theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025, trong tình hình nguồn thu ngân sách của thành phố còn hạn chế chưa thể đáp ứng nhu cầu chi nêu trên của địa phương.

Căn cứ Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ, trong đó tại khoản 1 Điều 3 quy định: "*Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.*"

Để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ, Ủy ban nhân dân thành phố đã triển khai đồng bộ các giải pháp chỉ đạo, điều hành, thực hiện tốt công tác khai thác, quản lý và bồi dưỡng nguồn thu, tăng cường huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Trong đó việc triển khai phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là giải pháp cần thiết để huy động nguồn lực kinh tế từ xã hội, đảm bảo cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển cho các dự án, công trình trọng điểm, cấp bách trên địa bàn thành phố.

1. Sự cần thiết phát hành trái phiếu chính quyền địa phương

1.1 Tồn quỹ ngân sách địa phương

Kết thúc niên độ ngân sách 2023, tính đến thời điểm ngày 18/6/2024 tồn quỹ ngân sách cấp thành phố năm 2023 là 5.212 tỷ đồng. Trong đó:

1.1.1. Các nguồn thu đã có nhiệm vụ chi tương ứng theo quy định:

3.194 tỷ đồng

Bao gồm: nguồn cải cách tiền lương năm 2022, bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương còn tồn, nguồn thu vượt sử dụng đất, xổ số kiến thiết, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa…

1.1.2. Tăng thu ngân sách cấp thành phố năm 2022: *943 tỷ đồng*

Thực hiện trích lập 70% nguồn CCTL năm 2023, 30% còn lại trích lập theo thứ tự ưu tiên tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước

1.1.3. Tiết kiệm chi: *1.074 tỷ đồng*

Đã trình HĐND thành phố bố trí nhiệm vụ chi: 448 tỷ đồng

Còn lại dự kiến bố trí nguồn CCTL năm 2023 đang chờ Bộ Tài chính xác định: 626 tỷ đồng

Do đó toàn bộ tồn quỹ ngân sách địa phương đã được bố trí nhiệm vụ chi theo quy định, không đủ khả năng bố trí vốn cho các dự án cấp thiết dự kiến sử dụng nguồn trái phiếu chính quyền địa phương.

1.2 Tình hình sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi

Năm 2023, ngân sách cấp thành phố hụt thu 142 tỷ, do đó không bố trí sử dụng từ nguồn tăng thu năm 2023. Tình hình sử dụng tăng thu năm trước và tiết kiệm chi trong tồn quỹ ngân sách cấp thành phố năm 2023 đã được thể hiện nội dung phía trên.

1.3 Dự báo tình hình thu, chi ngân sách địa phương năm 2024

Ủy ban nhân dân thành phố có Báo cáo số 148/BC-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024 báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024. Trong đó:

Ước thu nội địa năm 2024 là 12.273 tỷ đồng đạt 101,59% dự toán Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân thành phố giao. Ước thu ngân sách địa phương được hưởng là 11.690 tỷ đồng đạt 100,91% dự toán Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân thành phố giao. Nếu loại trừ thu từ tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, ước thu cân đối ngân sách địa phương còn lại là 7.575 tỷ đồng, hụt thu 38 tỷ đồng so với dự toán được giao.

Ước chi ngân sách địa phương năm 2024 sau khi đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên dành để cải cách tiền lương theo quy định là 19.320 tỷ đồng, đạt 90,61% dự toán Bộ Tài chính giao.

Như vậy tình hình thu ngân sách nhà nước của địa phương năm 2024 gặp rất nhiều khó khăn trong điều kiện nhu cầu chi khá lớn đặc biệt là nhu cầu chi cho đầu tư phát triển các dự án nội bộ và liên vùng, cao tốc…Vì vậy việc huy động vốn trong nước chi cho đầu tư phát triển rất cần thiết trong điều kiện hiện nay.

1.4 Dự kiến giải ngân vốn đầu tư công năm 2024

Dự kiến tổng số giải ngân trong năm 2024 đạt 9.846 tỷ đồng, đạt 94,06% dự toán Bộ Tài chính giao. Trong đó:

- Chi đầu tư XDCB từ nguồn cân đối ngân sách địa phương: 6.750 tỷ đồng, đạt 89,23% dự toán Bộ Tài chính giao.

- Chi đầu tư XDCB từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương: 2.882 tỷ đồng, đạt 99,29% dự toán Bộ Tài chính giao.

2. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

- Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23/11/2017;

- Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ;

- Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về quản lý nợ của Chính quyền địa phương;

- Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 15/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chi phí phát hành, hoán đổi, mua lại, thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

- Căn cứ Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước;

- Căn cứ Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước;

- Căn cứ Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

- Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt chủ trương phát hành trái phiếu chính quyền địa phương của thành phố Cần Thơ.

3. Giới thiệu chung về trái phiếu

- Tên gọi của trái phiếu: **TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Trái phiếu chính quyền địa phương do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phát hành (sau đây gọi tắt là trái phiếu) là một loại chứng khoán nợ, xác nhận nghĩa vụ trả nợ của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đối với người sở hữu trái phiếu theo mệnh giá và lãi suất danh nghĩa.

- Chủ thể phát hành là Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đối tượng tham gia mua trái phiếu là các tổ chức và cá nhân Việt Nam, tổ chức và cá nhân nước ngoài.

4. Mục đích phát hành

Trái phiếu chính quyền địa phương do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phát hành nhằm đảm bảo cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện các dự án trọng điểm thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua theo quy định. Các dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương năm 2024 đảm bảo điều kiện vay của chính quyền địa phương theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật Quản lý nợ công: các dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật, thuộc danh mục đầu tư công trung hạn của chính quyền địa phương đã được Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm A, nhóm B và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhóm B; Văn bản số 103/HĐND-TT ngày 19/03/2015 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố và Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên đối với phần vốn tăng thêm trong tổng mức đầu tư của các dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương đang triển khai các thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh chủ trương đầu tư và kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân thành phố trong năm 2024; tổng cộng nguồn vốn tăng thêm là 2.000 tỷ đồng trong 02 năm 2024-2025; gồm các dự án:

- Dự án xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 917: dự kiến số tiền là 108,680 tỷ đồng.

- Dự án Đường tỉnh 918 (Giai đoạn 2): dự kiến số tiền là 106 tỷ đồng.

- Dự án Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C): dự kiến số tiền là 569,580 tỷ đồng.

- Các khu tái định cư mới: dự kiến số tiền là 1.215,740 tỷ đồng, gồm:

+ Khu tái định cư quận Cái Răng: dự kiến 456,940 tỷ đồng;

+ Khu tái định cư quận Ô Môn: dự kiến 178,464 tỷ đồng

+ Khu tái định cư huyện Phong Điền: dự kiến 160,312 tỷ đồng

+ Khu tái định cư (Khu D) – Khu di tích Lộ Vòng Cung: dự kiến 226,560 tỷ đồng;

+ Khu tái định cư huyện Thới Lai: dự kiến 193,464 tỷ đồng

(Đính kèm Phụ lục I – Danh mục dự án dự kiến sử dụng vốn vay từ nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương năm 2024)

Trái phiếu được phát hành để bù đắp cho bội chi ngân sách địa phương. Nguồn hoàn trả trái phiếu được đảm bảo từ nguồn ngân sách thành phố. Việc sử dụng nguồn vốn đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công theo nguyên tắc đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

5. Điều kiện và điều khoản trái phiếu

5.1. Khối lượng

Dự kiến khối lượng trái phiếu phát hành tối đa là 2.000 tỷ đồng, trong đó phân bổ cho năm 2024 là 1.000 tỷ đồng, năm 2025 là 1.000 tỷ đồng, đảm bảo nằm trong tổng mức vay theo Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ và trong bội chi ngân sách địa phương hàng năm được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

5.2. Kỳ hạn

Với mục đích xác định kỳ hạn của trái phiếu cho phù hợp với thời hạn đầu tư của các dự án phát triển hạ tầng, đồng thời giảm bớt áp lực hoàn trả nợ của ngân sách trong tương lai, trái phiếu chính quyền địa phương do Ủy ban nhân dân thành phố phát hành có kỳ hạn 10 năm và 15 năm. Cơ cấu cụ thể của từng loại kỳ hạn tùy thuộc vào nhu cầu của các nhà đầu tư và tình hình thị trường tại thời điểm phát hành.

5.3. Mệnh giá

Mệnh giá của trái phiếu là 100.000 đồng *(điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương)*.

5.4. Đồng tiền phát hành

Trái phiếu được phát hành bằng đồng Việt Nam.

5.5. Lãi suất phát hành

Căn cứ vào khung lãi suất do Bộ Tài chính thông báo và tình hình thị trường tại thời điểm phát hành, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định lãi suất phát hành trái phiếu đối với từng đợt phát hành.

5.6. Cam kết của tổ chức phát hành

Ủy ban nhân dân thành phố cam kết đảm bảo quyền lợi của chủ sở hữu trái phiếu, cụ thể:

- Chủ sở hữu trái phiếu được đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn khi gốc, lãi trái phiếu đến hạn thanh toán.

- Chủ sở hữu trái phiếu được sử dụng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, thừa kế, chiết khấu và cầm cố trong các quan hệ tín dụng và quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.7. Phương thức mua lại, hoán đổi trái phiếu

- Ủy ban nhân dân thành phố có thể mua lại trái phiếu trước hạn để giảm nghĩa vụ nợ hoặc để cơ cấu lại nợ. Quy trình tổ chức mua lại trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Ủy ban nhân dân thành phố có thể hoán đổi trái phiếu để cơ cấu lại nợ. Quy trình tổ chức hoán đổi trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Phương thức phát hành

Việc phát hành trái phiếu dự kiến được thực hiện theo các phương thức sau:

- *Phương thức đấu thầu phát hành* tại tổ chức thực hiện đấu thầu công cụ nợ Chính phủ.

- *Phương thức bảo lãnh phát hành* thông qua các công ty chứng khoán, các ngân hàng, các tổ chức tài chính tín dụng có chức năng cung cấp dịch vụ.

Phương thức phát hành cụ thể của từng đợt sẽ được xác định phù hợp theo tình hình thực tế và nhu cầu thị trường. Quy trình đấu thầu phát hành và bảo lãnh phát hành được thực hiện theo quy định về phát hành công cụ nợ của Chính phủ.

- Sau đợt phát hành lần đầu, trái phiếu có thể được phát hành bổ sung để đảm bảo đủ khối lượng đối với mỗi mã trái phiếu, tăng cường tính thanh khoản của trái phiếu trên thị trường thứ cấp.

7. Thời gian dự kiến phát hành

Dự kiến tập trung phát hành vào tháng 10 năm 2024 với khối lượng 1.000 tỷ đồng gắn tiến độ giải ngân của các dự án đảm bảo tính khả thi và hiệu quả sử dụng vốn.

8. Tình hình vay và thanh toán nợ gốc, lãi trong 03 năm 2021-2023

8.1. Dư nợ vay, tổng mức vốn vay và thanh toán nợ gốc, lãi

ĐVT:triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Ngân sách địa phương được hưởng	9.302.666	9.667.926	10.024.610
2	Mức dư nợ tối đa của NSĐP	3.721.066	5.800.756	6.014.766
3	Dư nợ đầu năm	750.797	987.446	1.321.843
	- Trong nước		-	-
	- Nước ngoài	*750.797*	*987.446*	1.321.843
4	Khoản vay trong năm	313.403	414.241	751.187
	- Trong nước	-	-	-
	- Nước ngoài	*313.403*	*414.241*	*751.187*
5	Chi trả nợ gốc; trả nợ lãi, phí	97.639	109.239	162.684
	- Nợ gốc	76.754	79.844	91.300
	+ Trong nước		-	-
	+ Nước ngoài	*76.754*	*79.844*	91.300
	- Lãi và phí	20.885	29.394	71.384
	+ Trong nước		-	-
	+ Nước ngoài	20.885	29.394	71.384

6	Dư nợ cuối năm	987.446	1.321.843	1.981.730
	- Trong nước	-	-	-
	- Nước ngoài	*987.446*	*1.321.843*	*1.981.730*
7	*Tỷ lệ dư nợ/Mức dư nợ tối đa của NSĐP*	*26,54%*	*22,79%*	*32,95%*
	Tỷ lệ chi trả nợ/thu ngân sách địa phương được hưởng	1,05%	1,13%	1,62%
8	Hạn mức dư nợ còn được vay	2.733.620	4.478.912	4.033.036

8.2. Dư nợ dự kiến sau khi phát hành trái phiếu

Dự kiến đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, tổng dư nợ vay của thành phố là 4.092.830 triệu đồng. Cụ thể như sau:

ĐVT:triệu đồng

Nội dung	Dư nợ đến 31/12/2023	Rút vốn, phát hành trái phiếu trong kỳ	Trả nợ gốc trong kỳ	Dư nợ cuối kỳ
1	*2*	*3*	*4*	*5=2+3-4*
Trái phiếu chính quyền địa phương	-	1.000.000		1.000.000
Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	1.981.730	1.215.800	104.700	3.092.830
Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	-	-	-	-
Tổng cộng	**1.981.730**	**2.215.800**	**104.700**	**4.092.830**

9. Hạn mức dư nợ vay năm 2024

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ, quy định:

"Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước".

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024, quy định tổng thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp của thành phố năm 2024 là 11.584.080 triệu đồng.

Theo đó hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương năm 2024 là 6.950.448 triệu đồng (11.584.080 x 60%). Như vậy với dư nợ vay cuối năm 2024 dự kiến là 4.092.830 triệu đồng, vẫn nằm trong phạm vi hạn mức vay nợ của ngân sách địa phương năm 2024 (6.950.448 triệu đồng).

10. Phương án bố trí thanh toán nợ gốc và lãi

10.1. Phương thức thanh toán nợ gốc và lãi

- Trả gốc: Được hoàn trả 01 lần khi đáo hạn cho từng đợt phát hành.

- Trả lãi trái phiếu: Được thanh toán sau theo định kỳ 01 năm/lần.

Nợ gốc và lãi trái phiếu được thanh toán qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán theo danh sách trái chủ đăng ký tại ngày giao dịch không hưởng quyền. Ủy ban nhân dân thành phố, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố và Trung tâm Lưu ký chứng khoán đàm phán, ký hợp đồng đại lý thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân thành phố có thể mua lại trái phiếu trước hạn để giảm nghĩa vụ nợ, giảm áp lực thanh toán tại thời điểm hoặc cơ cấu lại nợ. Quy trình, thủ tục mua lại trái phiếu được thực hiện theo quy trình, thủ tục mua lại trái phiếu Chính phủ.

10.2. Nguồn trả nợ

Nguồn vốn thanh toán nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác liên quan đến trái phiếu chính quyền địa phương được đảm bảo từ nguồn ngân sách thành phố. Ủy ban nhân dân thành phố cam kết bố trí nguồn ngân sách để thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu đầy đủ, đúng hạn.

Ngân sách thành phố Cần Thơ ưu tiên bố trí nguồn thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu trước khi bố trí kế hoạch chi đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm, đảm bảo thanh toán gốc, lãi trái phiếu đầy đủ, đúng hạn cho chủ sở hữu trái phiếu khi đến hạn thanh toán.

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 của thành phố Cần Thơ; trong đó thu nội địa là 58.094 tỷ đồng.

Căn cứ Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024; trong đó ước thu nội địa là 12.273 tỷ đồng.

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027; kế hoạch tài chính 05

năm giai đoạn 2026-2030. Trong đó yêu cầu phấn đấu thu nội địa năm 2025 tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2024 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách).

Từ những cơ sở nêu trên, dự kiến thu nội địa tăng bình quân 5%, tổng thu nội địa giai đoạn 2026-2030 đạt 74.766 tỷ đồng. Với dự kiến số thu nội địa như trên, ngân sách thành phố đảm bảo cân đối nguồn chi trả gốc và lãi trái phiếu khi đến hạn.

10.3 Dự kiến kế hoạch thanh toán nợ gốc và lãi hàng năm

Kế hoạch thanh toán nợ gốc và lãi hàng năm với mức lãi suất bình quân dự kiến 5%/năm.

(Đính kèm Phụ lục II- Phương án vay và trả nợ ngân sách địa phương giai đoạn 2024-2034 trường hợp phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo kế hoạch)

11. Chi phí phát hành và thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu

Theo quy định tại Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về quản lý nợ của Chính quyền địa phương, các chi phí liên quan đến đấu thầu, bảo lãnh phát hành trái phiếu chính quyền địa phương; chi phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu chính quyền địa phương được áp dụng theo quy định đối với công cụ nợ của Chính phủ.

Căn cứ Thông tư 111/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước và Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; các chi phí liên quan đến công tác phát hành và thanh toán trái phiếu như sau:

- Đối với trường hợp phát hành theo phương thức đấu thầu: Chi phí hoạt động đấu thầu trả cho Sở giao dịch chứng khoán bằng 0,0125% giá trị danh nghĩa trái phiếu phát hành, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/phiên đấu thầu (bao gồm cả phiên gọi thầu bổ sung nếu có)[1].

- Đối với trường hợp phát hành theo phương thức bảo lãnh: Chi phí cho hoạt động bảo lãnh phát hành trả cho tổ chức bảo lãnh chính/đồng bảo lãnh tối đa 0,1% giá trị danh nghĩa trái phiếu phát hành.

- Đối với chi phí lưu ký trái phiếu: Chi phí lưu ký trái phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán là 0,14 đồng/trái phiếu/tháng, tối đa 1.400.000 đồng/tháng/mã.

---

[1] Quy định tại khoản 8, Bảng A - Giá dịch vụ áp dụng tại thị trường chứng khoán cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đối với chi phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu: Chi phí dịch vụ thanh toán gốc, lãi trái phiếu là 0,01% giá trị gốc, lãi trái phiếu thực hiện thanh toán nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/lần thanh toán gốc, lãi của một mã trái phiếu[2].

12. Công bố thông tin cho nhà đầu tư

Thành phố Cần Thơ thực hiện công bố các thông tin cơ bản về đợt phát hành trái phiếu trên Cổng thông tin điện tử thành phố theo quy định tại Phụ lục I Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về quản lý nợ của chính quyền địa phương, cụ thể:

- Chủ thể phát hành trái phiếu
- Mục đích phát hành trái phiếu
- Điều kiện, điều khoản phát hành trái phiếu
- Thời gian, phương thức phát hành trái phiếu
- Nguồn dự kiến trả nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn
- Tình hình huy động vốn và trả nợ gốc, lãi của ngân sách cấp thành phố trong 3 năm ngân sách liền kề trước năm ngân sách phát hành trái phiếu từ tất cả các nguồn, bao gồm cả nguồn huy động vốn qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương (nếu có); dư nợ của ngân sách cấp thành phố từ tất cả các nguồn tại thời điểm dự kiến phát hành trái phiếu.
- Số liệu về tổng thu, chi ngân sách cấp thành phố đã được quyết toán hoặc số ước thực hiện thu chi ngân sách cấp thành phố (nếu chưa có số liệu quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt) của 03 năm ngân sách liền kề trước năm ngân sách phát hành trái phiếu, trong đó nêu rõ tổng số thu cân đối ngân sách cấp thành phố, tổng số chi cân đối ngân sách cấp thành phố (gồm tổng chi thường xuyên, tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản)
- Số liệu cơ bản về dự toán thu chi ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua của năm dự kiến phát hành trái phiếu, bao gồm tổng số thu cân đối ngân sách địa phương, tổng mức vay trong năm (gồm vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương và vay để trả nợ gốc ngân sách địa phương nếu có).

13. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ủy quyền Sở Tài chính triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến phát hành trái phiếu chính quyền địa phương thành phố Cần Thơ năm 2024. Riêng đối với các văn bản liên quan đến lãi suất phát hành trái phiếu chính quyền địa phương do Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo quy định.

Đề án này thay thế Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

---

[2] Quy định tại khoản 19, Bảng A - Giá dịch vụ áp dụng tại thị trường chứng khoán cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trên đây là Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương thành phố Cần Thơ năm 2024./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP (1AB);
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- KTNN khu vực V;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu: VT. NNQ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Tấn Hiển

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN SỬ DỤNG VỐN VAY TỪ NGUỒN VỐN VAY PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Đề án số: 06 /ĐA-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư			Nghị quyết bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã giải ngân hết tháng 06/2024	Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư đang trình HĐND thành phố			Dự kiến sử dụng nguồn vốn vay năm 2024	
			Số NQ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số NQ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng mức đầu tư			Từ tháng 1 đến tháng 6/2025	Tổng
				Tổng số	Trđ: NSTP		Tổng số	Trđ: NSTP		Tăng/Giảm	Tổng số sau điều chỉnh	Nguồn		
	TỔNG CỘNG			**5.534.082**	**2.410.108**		**5.085.540**	**1.961.566**	**2.787.739**	**2.000.000**	**6.318.342**		**1.000.000**	**1.000.000**
1	Dự án xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 917	BQLDA ĐTXD thành phố	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	996.215	435.215	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	994.415	433.415	446.213	108.680	1.104.895	NSĐP (Trái phiếu CQĐP)	54.340	54.340
2	Dự án Đường tỉnh 918 (Giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD thành phố	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	700.125	137.151	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	699.125	136.151	336.078	106.000	806.125	NSĐP (Trái phiếu CQĐP)	53.000	53.000
3	Dự án Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C)	Sở Giao thông vận tải	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	3.837.742	1.837.742	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	3.392.000	1.392.000	2.005.448	569.580	4.407.322	NSĐP (Trái phiếu CQĐP)	284.790	284.790
4	Các khu tái định cư mới									1.215.740			607.870	607.870
	Khu tái định cư quận Cái Răng	UBND quận Cái Răng								456.940			*228.470*	*228.470*
	Khu tái định cư quận Ô Môn	UBND quận Ô Môn								178.464			*89.232*	*89.232*
	Khu tái định cư huyện Phong Điền	UBND huyện Phong Điền								160.312			*80.156*	*80.156*
	Khu tái định cư (Khu D) - Khu di tích Lộ Vòng Cung	UBND huyện Phong Điền								226.560			*113.280*	*113.280*
	Khu tái định cư huyện Thới Lai	UBND huyện Thới Lai								193.464			*96.732*	*96.732*

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN NĂM 2024 - 2030

(Kèm theo Đề án số: 06 /ĐA-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch 2024 - 2030										
		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2031	Năm 2032	Năm 2033	Năm 2034
A	**THU NSĐP được hưởng**	**11.584.080**	**11.326.090**	**13.946.600**	**14.783.396**	**15.670.400**	**16.610.624**	**17.607.261**	**18.663.697**	**19.783.519**	**20.970.530**	**22.228.762**
B	**BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**2.004.150**	**1.000.000**	**0**	**211.060**	**126.640**	**84.420**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
C	**MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSĐP**	**6.950.448**	**6.795.654**	**8.367.960**	**8.870.038**	**9.402.240**	**9.966.374**	**10.564.357**	**11.198.218**	**11.870.111**	**12.582.318**	**13.337.257**
D	**KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC**											
I	**Tổng dư nợ đầu năm**	**1.981.730**	**3.875.880**	**4.760.380**	**4.527.380**	**4.494.940**	**4.365.879**	**4.181.800**	**3.899.899**	**3.608.999**	**3.330.099**	**3.037.198**
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	*29%*	*57%*	*57%*	*51%*	*48%*	*44%*	*40%*	*35%*	*30%*	*26%*	*23%*
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	0	1.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	1.981.730	2.875.880	2.760.380	2.527.380	2.494.940	2.365.879	2.181.800	1.899.899	1.608.999	1.330.099	1.037.198
	- DA Phát triển TPCT và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	1.776.052	2.693.501	2.602.466	2.394.352	2.175.857	1.946.411	1.705.479	1.452.525	1.186.880	907.979	615.079
	- DA kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu TPCT	201.122	179.522	156.842	133.028	108.023	81.768	54.201	25.255	0	0	0
	- Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	4.556	2.856	1.071	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Dự án Phát triển mạng lưới giao thông vùng ĐBSCL thích ứng biến đổi khí hậu TPCT- DA1					211.060	337.700	422.120	422.120	422.120	422.120	422.120
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Trả nợ gốc vay trong năm**	**110.000**	**115.500**	**233.000**	**243.500**	**255.700**	**268.500**	**281.900**	**290.900**	**278.900**	**292.900**	**1.307.600**
1	Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay	110.000	115.500	233.000	243.500	255.700	268.500	281.900	290.900	278.900	292.900	1.307.600
-	Trái phiếu chính quyền địa phương											1.000.000
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	110.000	115.500	233.000	243.500	255.700	268.500	281.900	290.900	278.900	292.900	307.600
	- DA Phát triển TPCT và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	86.700	91.035	208.114	218.496	229.446	240.932	252.954	265.645	278.900	292.900	307.600
	- DA kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu TPCT	21.600	22.680	23.814	25.005	26.255	27.568	28.946	25.255			
	- Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	1.700	1.785	1.071	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Kế hoạch 2024 - 2030										
		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2031	Năm 2032	Năm 2033	Năm 2034
	- Dự án Phát triển mạng lưới giao thông vùng ĐBSCL thích ứng biến đổi khí hậu TPCT- DA1											
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nguồn trả nợ	110.000	115.500	233.000	243.500	255.700	268.500	281.900	290.900	278.900	292.900	1.307.600
-	Từ nguồn vay						0	0	0	0	0	0
-	Bội thu ngân sách địa phương	110.000	115.500	233.000	243.500	255.700	268.500	281.900	290.900	278.900	292.900	1.307.600
III	**Tổng mức vay trong năm**	**2.004.150**	**1.000.000**	**0**	**211.060**	**126.640**	**84.420**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Theo mục đích vay	2.004.150	1.000.000	0	211.060	126.640	84.420	0	0	0	0	0
-	Vay bù đắp bội chi	2.004.150	1.000.000	0	211.060	126.640	84.420	0	0	0	0	0
2	Theo nguồn vay	2.004.150	1.000.000	0	211.060	126.640	84.420	0	0	0	0	0
-	Trái phiếu chính quyền địa phương	1.000.000	1.000.000		0	0	0	0	0	0	0	0
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	1.004.150	0	0	211.060	126.640	84.420	0	0	0	0	0
	- DA Phát triển TPCT và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	1.004.150	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- DA kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu TPCT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	0		0	0	0						
	- Dự án Phát triển mạng lưới giao thông vùng ĐBSCL thích ứng biến đổi khí hậu TPCT- DA1				211.060	126.640	84.420					
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	**Tổng dư nợ cuối năm**	**3.875.880**	**4.760.380**	**4.527.380**	**4.494.940**	**4.365.879**	**4.181.800**	**3.899.899**	**3.608.999**	**3.330.099**	**3.037.198**	**1.729.598**
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	*56%*	*70%*	*54%*	*51%*	*46%*	*42%*	*37%*	*32%*	*28%*	*24%*	*13%*
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	1.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	1.000.000
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	2.875.880	2.760.380	2.527.380	2.494.940	2.365.879	2.181.800	1.899.899	1.608.999	1.330.099	1.037.198	729.598
	- DA Phát triển TPCT và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	2.693.501	2.602.466	2.394.352	2.175.857	1.946.411	1.705.479	1.452.525	1.186.880	907.979	615.079	307.478
	- DA kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu TPCT	179.522	156.842	133.028	108.023	81.768	54.201	25.255	0	0	0	0
	- Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	2.856	1.071	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Kế hoạch 2024 - 2030										
		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2031	Năm 2032	Năm 2033	Năm 2034
	- Dự án Phát triển mạng lưới giao thông vùng ĐBSCL thích ứng biến đổi khí hậu TPCT- DA1				211.060	337.700	422.120	422.120	422.120	422.120	422.120	422.120
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VII	**Trả nợ lãi, phí**	**160.700**	**224.000**	**265.800**	**264.100**	**216.300**	**205.900**	**193.200**	**179.500**	**166.100**	**152.500**	**138.200**
	- Phát hành trái phiếu CQĐP		50.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	160.700	174.000	165.800	164.100	116.300	105.900	93.200	79.500	66.100	52.500	38.200
	- DA Phát triển TPCT và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	153.699	168.222	160.648	147.391	105.963	94.330	82.105	69.356	55.878	41.767	26.930
	- DA kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu TPCT	6.880	5.722	5.133	4.313	3.452	2.547	1.598	409			
	- Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	121	57	19	0	0	0	0				